

Bản án số: 51/2024/HNGĐ-ST
Ngày 28/8/2024
“Về việc ly hôn,
tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Đình Hợp
- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Bá Long và ông Lê Hữu Thủy
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phùng Minh Thắng, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đào Hải Toàn- Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con” thụ lý số 115/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/7/ 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 20/2024 ngày 14/8/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Th, sinh năm 1997

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

Chỗ ở hiện nay: Số N, đường T, Ấp Đ, xã T, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, các đương sự đều có đơn xin xử án vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*> Tại đơn khởi kiện (BL01) bản tự khai (BL 19) Biên bản hòa giải (BL 27,28,32) nguyên đơn chị Đỗ Thị Th trình bày, chị và anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 14/7/2009 tại UBND xã Hợp

Thắng, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, sau khi kết hôn vợ chồng sống chung được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm anh L hay uống rượu, chửi mắng vợ con, chi động viên góp ý anh L không nghe mà còn có lời lẽ thiếu tế nhị đối với vợ con, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng anh L vẫn tính nết bất hiếu, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2022 đến nay, không ai quan tâm tới ai, nay chị Th xác định vợ chồng không còn tình cảm và khả năng đoàn tụ, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con chung: Chị Th trình bày vợ chồng có hai con chung cháu Nguyễn Bảo U, sinh ngày 15/3/2017 và cháu Nguyễn Bảo K, sinh ngày 25/12/2018, nay vợ chồng ly hôn chị Th đề nghị mỗi người nuôi một con, chị xin nuôi cháu Bảo U, đề nghị anh L nuôi cháu Bảo K, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai

Về tài sản, công nợ: Chị Th không yêu cầu giải quyết

*> Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn L, tại bản tự khai (BL 21) biên bản hòa giải (BL 26,26,28,32), trình bày:

Về hôn nhân: Cơ sở kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh thống nhất như chị Th trình bày, nay chị Th xin ly hôn anh cũng xác định vợ chồng đã ly thân nhiều năm nay, không còn tình cảm và khả năng đoàn tụ, anh đồng ý ly hôn với chị Th.

Về con chung: Anh thống nhất vợ chồng hai con chung cháu Nguyễn Bảo U, sinh ngày 15/3/2017 và cháu Nguyễn Bảo Kh, sinh ngày 25/12/2018, từ khi vợ chồng ly thân năm 2022 đến nay chị Th bỏ chồng con vào Miền Nam là ăn, không quan tâm hỏi han gì đến con cái, bỏ mặc hai cháu cho anh nuôi dưỡng, nay vợ chồng ly hôn nguyện vọng hai cháu đều xin ở với bố anh xin tiếp tục nuôi hai con và không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con, bản thân anh làm nghề cơ khí tại địa phương thu nhập bình quân mỗi tháng 15.000.000đ,(BL 45) bố mẹ anh còn trẻ khỏe, kinh tế ổn định có điều kiện giúp anh nuôi con.

Về tài sản và nợ: Anh thống nhất ý kiến chị Th không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

-Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Xác định đúng quan hệ pháp luật, đúng tư cách người tham gia tố tụng, tiến hành các hoạt động tố tụng như ra thông báo thụ lý, hòa giải, tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ, tổng đạt văn bản tố tụng, giao hồ sơ cho viện kiểm sát nghiên cứu đúng trình tự tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký: Tại phiên tòa HĐXX đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

*> Việc tuân theo tố tụng pháp luật của người tham gia tố tụng: các đương sự thực hiện đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ.

*> Về nội dung:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn 55 Luật hôn nhân và gia đình công nhận cho vợ chồng được thuận tình ly hôn

Về con chung: Đề nghị áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cho anh L tiếp tục nuôi cả hai con

Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

Về án phí: Đề nghị khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 quy định về án phí, các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Đỗ Thị Th yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh Nguyễn Văn L, anh L đang cư trú tại xã H, huyện T (BL07) nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 207 và khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết, xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị Th và anh Nguyễn Văn L, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 14/7/2009 tại UBND xã Hợp Thắng, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa (BL02) nên là hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả mà ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai, quá trình hòa giải anh các đương sự đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn, việc vợ chồng thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với tình trạng hôn nhân của vợ chồng, phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án,

phù hợp với quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của vợ chồng.

[3] Về con chung: Vợ chồng đều thống nhất có hai con chung cháu Nguyễn Bảo U, sinh ngày 15/3/2017 và cháu Nguyễn Bảo Kh, sinh ngày 25/12/2018,(BL03,04) nay ly hôn chị Th đề nghị mỗi người nuôi một con, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai, anh L đề nghị tiếp tục trực tiếp nuôi cả hai con, không yêu cầu chị Thuyết cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu trực tiếp nuôi con của chị Th, từ khi vợ chồng ly thân năm 2020 đến nay, cả hai cháu ở với anh L và ông bà nội tại thôn T, xã H, huyện Triệu Sơn, các cháu đều học tập, sinh hoạt khỏe mạnh bình thường, chị Th làm công nhân huyện H, thành phố Hồ Chí Minh, chưa có nơi ở độc lập ổn định mà đang ở trọ chung với anh họ (BL33-37), nên việc đi lại thăm hỏi động viên con khó khăn, hạn chế, quá trình hòa giải chị Th trình bày chỉ xin được giao nuôi con trên bản án còn thực tế chị vẫn để cho anh L và ông bà nội nuôi dưỡng, khi nào có điều kiện chị sẽ đón sau, nguyện vọng của hai cháu đều xin ở với bố và ông bà nội, như với nguyện vọng của chị Th chỉ là hình thức, không thực chất trách nhiệm nuôi con, hơn nữa điều kiện sinh hoạt, việc làm đi, lại bản thân chị Th còn khó khăn nếu giao chị Th trực tiếp nuôi con sẽ không đảm bảo tốt việc nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục.

Xét yêu cầu nuôi cả hai con của anh L. Hai cháu lâu nay ở với anh L và ông bà nội tại xã H, học tập sinh hoạt khỏe mạnh bình thường, anh L có việc làm thu nhập, nơi ăn ở ổn định ổn định, bố mẹ anh Long còn trẻ khỏe, có điều kiện giúp anh L nuôi con, các cháu qua xác minh của Tòa án đều có nguyện vọng ở với bố (BL 39-43), như vậy điều kiện nuôi con của anh L đảm bảo hơn, để ổn định việc học tập, tâm sinh lý các cháu, nên giao cả hai con cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con, anh L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét

[4]Về tài sản và nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Th phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật

Vì các lý lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 228, Điều 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 57 các Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm a, khoản 1 Điều 24, điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Đỗ Thị Th và anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Giao anh Nguyễn Văn L tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục cả hai con chung của vợ chồng cháu Nguyễn Bảo U, sinh ngày 15/3/2017 và cháu Nguyễn Bảo K, sinh ngày 25/12/2018, chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con, chị Th có quyền và nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Về tài sản và nợ: Các đương sự đều không yêu cầu tòa giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn chị Đỗ Thị Th phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số AA/2023/0003008 ngày 10/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, Thanh Hóa, chị Th đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết. Thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp và cấp trên theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSDND cùng cấp;
- CCTHADS cùng cấp;
- UBND xã Hợp Thắng;
- Các đương sự;
- Công TTĐT-TAND;
- Lưu hồ sơ vụ án.VP.

Lê Đình Hợp